

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 38/2017/HS -ST

Ngày: 09/8/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khoái Châu, ngày 09 tháng 8 năm 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU - TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Hòa.
2. Bà Đặng Thị Thêm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký
Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HS-ST ngày 19/7/2017 đối
với bị cáo: **Lê Văn Q**, sinh năm 1986;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn A, xã V, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên. Trình độ văn
hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Lê Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị X,
sinh năm 1962. Có vợ là Trịnh Thị Lan H, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm
2011, nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm
giữ của Công an huyện Khoái Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bị hại: Anh Nhữ Mạnh T, sinh năm: 1988 (Đã chết).

* Đại diện theo pháp luật của người bị hại: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn TK, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Vũ Quang E, sinh năm 1958;

Trú tại: thôn TH, xã P, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2/ Ông Nhữ Đức G, sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn TK, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

3/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962;

Trú tại: thôn A, xã V, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

4/ Chị Trịnh Thị Lan H, sinh năm 1988;

Trú tại: thôn A, xã V, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 30/3/2017, Lê Văn Q (có giấy phép lái xe hợp lệ) được anh Vũ Quang E ở thôn TH, xã P, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên giao cho điều khiển chiếc xe ô tô tải biển số 89C – 082.15 chở 16.050kg xi măng đi từ xã Thuần Hưng về xã ĐH, huyện K để giao cho các cửa hàng. Cùng đi trên xe còn có hai anh là Bùi Văn U và Đỗ Văn H đều ở thôn ĐL, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên để làm nhiệm vụ phụ xe và bốc vác xi măng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe đi trên đường 377 theo hướng từ xã TC về xã PH khi đến đoạn đường thuộc thôn 3, xã ĐH thì Q phát hiện phía trước có một nam thanh niên được xác định là anh Nhữ Mạnh T, sinh năm 1988 ở thôn TK, xã S, huyện A, tỉnh Hưng Yên (có giấy phép lái xe hợp lệ) điều khiển dừng xe mô tô biển số 89B1 – 344.90 đi ngược chiều bên trái theo chiều đi của xe ô tô nói trên, tại phần đường bên phải theo hướng anh T điều khiển. Ngoài ra, Q còn phát hiện ở phía trước bên phải theo chiều đi của xe ô tô do Q điều khiển có một xe mô tô khác (không xác định được người điều khiển và biển số xe) đi hướng từ PH đi TC nhưng đi ngược chiều tại phần đường bên phải theo hướng ô tô do Q điều khiển. Thấy vậy, Q đã đánh lái sang trái để tránh người điều khiển xe mô tô đi ngược chiều đường nói trên, xe ô tô 89C – 082.15 đã lấn sang phần đường bên trái ép sát vào xe mô tô biển số 89B1 – 344.90 đang dừng ở ven đường làm anh T bị ngã xuống đường, bánh sau bên trái của xe ô tô đã chèn qua đầu làm anh T bị chết tại hiện trường.

Ngay sau khi xảy ra vụ việc Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi anh T, quản lý xe ô tô biển số 89C – 082.15 và xe mô tô biển số 89B1 - 344.90 cùng các giấy tờ có liên quan gồm: 01 giấy phép lái xe số 330167002967 (hạng C) mang tên Lê Văn Q; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản phô tô có xác nhận của Ngân hàng mang tên Vũ Quang E; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật của xe ô tô biển số 89C - 082.15; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 028573 biển số 89B1 – 34490 mang tên Đặng Thị M.

Tại bản kết luận giám định số: 53/PC54 ngày 31/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Nguyên nhân chết của anh Nhữ Mạnh T là do Chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ. Thê loại chết: không tự nhiên.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình anh T số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Đại diện gia đình của người bị hại là ông Nhữ Đức G đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Q. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô biển số 89B1 – 344.90 do anh T điều khiển chỉ bị hư hỏng nhẹ, thiệt hại không lớn nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cùng toàn bộ giấy tờ liên quan cho gia đình anh T nhận để sử dụng. Cơ quan điều tra cũng đã trả cho anh Vũ Quang E chiếc xe ô tô biển số 89C -082.15 cùng các giấy tờ liên quan.

Tại bản cáo trạng số 43/QĐ-VKS-HS, ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36, khoản 1 và khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999; khoản 4 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã (UBND) xã V, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo hành nghề lái xe từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Trả lại cho bị cáo 01 bằng lái xe hạng A1, C số 330167002967, cấp ngày 01/3/2016 mang tên Lê Văn Q nhưng tạm quản lý tại hồ sơ vụ án trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

- Bị cáo Q nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo cũng nhận thấy bị cáo đã chủ quan khi tham gia giao thông dẫn đến hậu quả đáng tiếc làm anh T thiệt mạng nên đã xin lỗi gia đình bị hại và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Đại diện theo pháp luật của người bị hại – chị Đặng Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nhữ Đức G trình bày:

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn đối với anh T, mẹ và vợ bị cáo là chị H và bà X có đến động viên, thăm hỏi và bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Thay mặt gia đình ông G đã nhận đủ số tiền trên, nên tại phiên tòa hôm nay chị M và ông G không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ một chi phí nào khác.

Về trách nhiệm hình sự: Chị M và ông G đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện lao động giúp đỡ gia đình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị X và chị Trịnh Thị Lan H trình bày: Sau khi bị cáo Q gây tai nạn, bị cáo có bàn bạc, nhờ bà X và chị H thăm hỏi, động viên gia đình bị hại về cả vật chất và tinh thần. Vì vậy, chị H và bà X đã thay mặt bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền như chị M và ông G trình bày. Số tiền này chị H và bà X không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Quang E và một số người làm chứng anh Đỗ Văn H, anh Bùi Văn U, anh Đào Trí D đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh

hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 191, Điều 192 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Khoái Châu; Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Q trình bày do chủ quan trong việc tránh phương tiện đi ngược chiều, ngược phần đường nên bị cáo đã bất ngờ điều khiển xe lấn sang phần đường dành cho xe lưu thông hướng ngược chiều, ép sát anh T khiến cho anh T bị ngã vào xe ô tô do bị cáo Q điều khiển khiến anh T chết tại chỗ. Diễn biến sự việc gây tai nạn giữa bị cáo và anh T phù hợp với những tài liệu thu thập tại hồ sơ như biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 22-23), biên bản khám nghiệm phương tiện đã được thẩm tra tại phiên tòa (BL 26-27), cùng lời trình bày của những người làm chứng trực tiếp như anh Bùi Văn U' (BL: 80-81), anh Đỗ Văn H (BL: 82-83), anh Đào Trí D (BL: 84-85). Có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30/3/2017, tại đoạn đường 377 thuộc địa phận thôn 3, xã ĐH, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Lê Văn Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 89C – 082.15 nhưng không quan sát kỹ các phương tiện tham gia giao thông trên đường, điều khiển xe đi không đúng phần đường, đã ép sát vào xe mô tô biển số 89B1 – 344.90 do anh Nhữ Mạnh T điều khiển theo chiều ngược lại nhưng đã dừng xe trên phần đường của mình. Hậu quả làm anh T bị ngã vào sườn xe bên trái của xe ô tô và bị bánh sau bên trái xe ô tô chèn qua đầu làm anh T bị chết tại hiện trường.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong lúc điều khiển phương tiện là nguồn nguy hiểm cao độ mà không chấp hành luật giao thông đường bộ, điều khiển phương tiện giao thông không đúng phần đường quy định, lấn sang làn đường cho xe lưu thông hướng ngược lại đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, tước đi tính mạng của anh T, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo Q. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật giao thông đường bộ. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật giao thông đường bộ quy định: “Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định...”. Nên bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện khi tham gia giao thông trên đường, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

Về nhân thân của bị cáo: Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không chơi cờ bạc, nghiện hút, không mắc phải các tệ nạn xã hội, chịu khó làm ăn. Từ trước cho đến khi phạm tội lần này bản thân bị cáo luôn chấp hành đầy đủ mọi chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chính bị cáo đã tác động để mẹ và vợ bị cáo bồi thường thiệt hại về dân sự cho gia đình người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại đều có đơn, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; vợ bị cáo là chị Trịnh Thị Lan H cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương đã được UBND xã V, huyện Đ xác nhận, bố đẻ bị cáo là ông Lê Văn B đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế về vang tại Campuchia, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999, phạm tội do lỗi vô ý, bản thân bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra và bị cáo cũng đã tích cực tác động tới gia đình để khắc phục hậu quả. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 60 của BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam bởi một tội phạm khác, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi vi phạm các quy định về điều khiển giao thông của bị cáo Q là lỗi vô ý do cầu thả. Bản thân bị cáo là người trực tiếp chứng kiến toàn bộ quá trình xảy ra tai nạn, dẫn đến việc tinh thần hoảng loạn nên cần cho bị cáo có một thời gian nhất định để ổn định tinh thần. Vì vậy, cần áp dụng Điều 36 và khoản 5 Điều 202 của BLHS năm 1999, cấm bị cáo Q hành nghề lái xe thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận, bồi thường xong về dân sự, đã giao nhận tiền đầy đủ. Tại phiên

tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra đối với bị cáo.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe mô tô biển số 89B1 – 344.90 cùng toàn bộ giấy tờ liên quan cho chị M và trả cho ông Vũ Quang E chiếc xe ô tô biển số 89C - 082.15 cùng các giấy tờ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 bằng lái xe hạng A1, C số 330167002967 cấp ngày 01/3/2016 mang tên Lê Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm quản lý tại hồ sơ vụ án trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm theo Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án) thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***/ Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

***/ Áp dụng:** Khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 4 Điều 227 của BLTTHS năm 2003.

***/ Xử phạt:** Bị cáo Lê Văn Q 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án (09/8/2017).

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

***/ Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng Điều 36 và khoản 5 Điều 202 của BLHS năm 1999.

Cấm bị cáo Q hành nghề lái xe thời hạn là 01 (Một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

***/ Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 3 Điều 76 của BLTTHS năm 2003.

Trả lại cho bị cáo 01 bằng lái xe hạng A1, C số 330167002967 cấp ngày 01/3/2016 mang tên Lê Văn Q nhưng tạm quản lý tại hồ sơ vụ án trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

***/ Về án phí:** Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (kèm theo Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án).

Buộc bị cáo Lê Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

***/ Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS. Báo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/8/2017); Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- VKSND huyện K/C;
- Công an huyện K/C;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện K/C;
- UBND xã V;
- Bị cáo, đại diện người bị hại, người liên quan;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu Hương